

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Về chúng tôi

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh (BMSC) – Thành viên của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Minh, được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp giấy phép thành lập và hoạt động số 90/UBCK-GP ngày 21/04/2008 với vốn điều lệ 300 tỷ đồng. Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam hội nhập toàn diện trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt thị trường tài chính, một trong những lĩnh vực đóng vai trò quan trọng nhất của tiến trình hội nhập. BMSC ra đời góp một vị trí cho bức tranh tổng quát trên.

Được sáng lập và điều hành bởi những chuyên gia dày dặn kinh nghiệm, BMSC đã và đang tạo lập được uy tín và vị thế của mình trên thị trường chứng khoán Việt Nam. BMSC hi vọng mang lại nhiều lợi ích hơn cho cổ đông, khách hàng và đang hướng tầm nhìn chiến lược dài hạn đến mô hình ngân hàng đầu tư hiện đại và năng động.

Thông qua tiềm lực tài chính dồi dào, cơ sở vật chất khang trang, hệ thống công nghệ hiện đại, đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp và được đào tạo trong và ngoài nước, chúng tôi cam kết mang lại những lợi ích thiết thực cho khách hàng và trở thành người bạn đồng hành đáng tin cậy cho sự thành công của khách hàng đúng như phương châm của BMSC **“Công nghệ hiện đại, tài chính vững bền”**


2. Những sự kiện quan trọng:

- Ngày 21/4/2008: BMSC được thành lập với Hội sở chính tại Hà Nội với vốn điều lệ ban đầu là 300 tỷ đồng.
- Ngày 27/02/2009: thành lập Chi nhánh của BMSC tại TPHCM
- Ngày 31/12/2010: thay đổi Trụ sở chính tại Hà Nội thành TPHCM, và chuyển Chi nhánh TPHCM thành Chi nhánh Hà Nội

3. Định hướng phát triển

Tầm nhìn:

- Tổ chức bộ máy của Công ty theo mô hình quản lý hiện đại, gọn nhẹ, hiệu quả nhằm hướng tới cung cấp dịch vụ tốt nhất cho khách hàng và đặc biệt tối ưu giá trị gia tăng cho khách hàng;
- Tập trung phát triển các lĩnh vực đem lại giá trị gia tăng cho doanh nghiệp và nhà đầu tư với các sản phẩm dịch vụ chính sau:

 Dịch vụ tư vấn đầu tư

 Dịch vụ nghiên cứu và phân tích chứng khoán

- ✚ Dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp
- ✚ Dịch vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán

Thế mạnh:

- Được thành lập dựa trên nền tảng của Tổng Công ty Bảo Hiểm Bảo Minh, là đơn vị có thế mạnh trong lĩnh vực bảo hiểm và đầu tư tài chính tại Việt Nam nên BMSC xác định mục tiêu phát triển bền vững, tạo lập giá trị và đẩy mạnh thương hiệu thông qua việc nâng cao giá trị dịch vụ đối với khách hàng.
- Đội ngũ cán bộ nhân viên của BMSC là những người có nhiều kinh nghiệm về chứng khoán, đã từng làm việc tại các tổ chức tài chính, các công ty chứng khoán lớn trong và ngoài nước.
- Ban lãnh đạo Công ty tập trung vào sản phẩm cốt lõi, chuyên nghiệp hóa dịch vụ, xây dựng uy tín và thương hiệu theo định hướng phát triển bền vững, tầm nhìn dài hạn.

Nhiệm vụ:

Với mục tiêu tạo ra những giá trị khác biệt trong chất lượng dịch vụ mang lại đến cho khách hàng, các thành viên công ty luôn hướng đến:

- Tạo dựng niềm tin tuyệt đối với đối tác và khách hàng.
- Xây dựng mạng lưới dịch vụ an toàn và thuận lợi cho khách hàng qua giao dịch trực tuyến.
- Đi đầu trong ứng dụng công nghệ cao.
- Tạo dựng môi trường làm việc Quốc tế, năng động nhằm thu hút chất xám là các tri thức tìm kiếm cho mình nhiều cơ hội thăng tiến, chứng minh năng lực của mình và đạt được thành quả tốt nhất.

4. Các dịch vụ cung cấp.

Bên cạnh việc được thực hiện tất cả các dịch vụ về Chứng khoán do UBCK Nhà nước quy định, BMSC còn hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng chiến lược huy động vốn, xây dựng cấu trúc vốn tối ưu dựa trên các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn, xác định và lựa chọn các công cụ tài chính hiệu quả, nhằm tối thiểu hóa rủi ro cho cổ đông và tối đa hóa khả năng thành công trên thị trường. Những giải pháp tài chính còn đảm bảo cho các doanh nghiệp có thể linh hoạt thực hiện chiến lược tăng trưởng phù hợp với mức độ rủi ro tài chính của Công ty.

BMSC sẽ đảm nhận vai trò là một đối tác tin cậy, cung cấp kế hoạch tài chính và dịch vụ tư vấn dưới đây:

1. Tư vấn phát hành Cổ phiếu:

BMSC giúp khách hàng huy động vốn qua hình thức phát hành cổ phiếu theo từng đặc thù của mỗi doanh nghiệp và phù hợp với nhu cầu của khách hàng.

Căn cứ vào nhu cầu, khả năng tài chính và định hướng phát triển của doanh nghiệp, BMSC sẽ đưa ra các giải pháp phù hợp nhằm đạt được kết quả tối ưu. Các hình thức chào bán chứng khoán phổ biến hiện nay bao gồm: Chào bán chứng khoán riêng lẻ và chào bán chứng khoán ra công chúng. Thông qua dịch vụ này, BMSC cũng góp phần hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tìm kiếm đối tác chiến lược cũng như các nhà đầu tư lớn.

2. Tư vấn niêm yết cổ phiếu

Với những lợi ích đem lại khi tham gia niêm yết cổ phiếu trên TTCK, doanh nghiệp có thể huy động vốn một cách nhanh chóng, thuận tiện, dễ dàng từ việc phát hành cổ phiếu dựa trên tính thanh khoản cao và uy tín của doanh nghiệp được niêm yết trên thị trường. Huy động theo cách này, doanh nghiệp không phải thanh toán lãi vay cũng như phải trả vốn gốc giống như việc vay nợ, từ đó sẽ rất chủ động trong việc sử dụng nguồn vốn huy động được cho mục tiêu và chiến lược dài hạn của mình. Đây được coi là yếu tố quan trọng nhất khi quyết định niêm yết trên TTCK.

3. Dịch vụ thị trường trái phiếu

Trái phiếu là một công cụ tài chính đã áp dụng phổ biến ở các nước có nền kinh tế phát triển. Thị trường trái phiếu ở Việt Nam đang ở giai đoạn đầu và được sự quan tâm bởi các nhà quản trị doanh nghiệp. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu nhằm đáp ứng cụ thể nhu cầu về vốn đầu tư thay đổi cấu trúc vốn từ sự phụ thuộc vào các đối tác truyền thống chuyển sang kêu gọi vốn từ các nhà đầu tư công chúng. Dịch vụ trên bao gồm:

- Phát hành trái phiếu
- Niêm yết trái phiếu

Bên cạnh đó BMSC cũng tham gia mua trái phiếu, giới thiệu đối tác trong và ngoài nước mua trái phiếu cho doanh nghiệp mà BMSC tư vấn.

4. Dịch vụ tư vấn cổ phần hóa

Cổ phần hóa doanh nghiệp là một đòn bẩy giúp doanh nghiệp thực hiện thay đổi cấu

trúc vốn, tăng cường sức mạnh tài chính và thay đổi cơ chế quản lý để doanh nghiệp phát huy được thế mạnh, vượt qua thách thức và khẳng định được vị thế, uy tín của doanh nghiệp trên thương trường. Dịch vụ trên bao gồm:

Xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa:

Sau khi lập được bộ hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp, BMSC sẽ phối hợp cùng doanh nghiệp tiến hành trình bày kết quả xác định giá trị doanh nghiệp trước ban chỉ đạo cổ phần hóa.

Xây dựng phương án cổ phần hóa:

Phương án cổ phần hóa thể hiện mục tiêu xây dựng một mô hình công ty hoàn toàn mới, nhằm phát huy cao nhất năng lực của công ty, tối ưu hóa lợi nhuận cho cổ đông và thực hiện thành công chiến lược phát triển dài hạn.

Tư vấn tổ chức bán đấu giá cổ phần:

Sau khi phương án cổ phần hóa doanh nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, BMSC sẽ tiến hành tư vấn cho doanh nghiệp về việc tổ chức bán đấu giá cổ phần ra bên ngoài.

Tư vấn tổ chức Đại hội cổ đông lần đầu thành lập Công ty cổ phần

Đại hội cổ đông thành lập Công ty Cổ phần là cơ sở quan trọng để doanh nghiệp hoàn tất quá trình cổ phần hóa.

5. Bảo lãnh phát hành

Bảo lãnh phát hành chứng khoán là việc tổ chức bảo lãnh phát hành cam kết với tổ chức phát hành thực hiện các thủ tục trước khi chào bán chứng khoán, nhận mua một phần hay toàn bộ chứng khoán của tổ chức phát hành để bán lại hoặc mua số chứng khoán còn lại chưa được phân phối hết của tổ chức phát hành hoặc hỗ trợ tổ chức phát hành trong việc phân phối chứng khoán ra công chúng.

Dịch vụ bảo lãnh phát hành là hoạt động cao cấp và rủi ro nhất của các công ty chứng khoán. Dịch vụ này đòi hỏi các công ty chứng khoán phải có đầy đủ chức năng thực hiện và có uy tín trên thị trường.

BMSC là công ty chứng khoán có đội ngũ chuyên gia tư vấn giàu kinh nghiệm đã từng tham gia thực hiện bảo lãnh phát hành cho nhiều công ty niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán. Bên cạnh đó, với năng lực tài chính vững mạnh và mạng lưới khách hàng rộng lớn trong và ngoài nước bao gồm các đối tác chiến lược, các tổ chức tài chính,

các ngân hàng thương mại, các quỹ đầu tư và các nhà đầu tư có tiềm năng. Với tất cả các ưu thế đó, BMSC hoàn toàn tin tưởng vào khả năng thành công và hiệu quả cao nhất.

Bảo lãnh phát hành gồm các dịch vụ cụ thể sau:

5.1. Bảo lãnh phát hành cổ phiếu

BMSC trợ giúp doanh nghiệp thực hiện các thủ tục trước khi chào bán cổ phiếu, tổ chức việc phân phối cổ phiếu và ký hợp đồng bảo lãnh phát hành, giúp bình ổn giá cổ phiếu trong giai đoạn đầu sau khi phát hành.

5.2. Bảo lãnh phát hành trái phiếu

BMSC trợ giúp doanh nghiệp thực hiện các thủ tục trước khi chào bán trái phiếu, tổ chức việc phân phối trái phiếu và ký hợp đồng bảo lãnh phát hành, giúp bình ổn giá trái phiếu trong giai đoạn đầu sau khi phát hành.

6. Mua bán và Sáp nhập (M&A)

Giải pháp tài chính như mua bán, sáp nhập doanh nghiệp (M&A) là các công cụ tài chính đã được áp dụng phổ biến ở hầu khắp các nước có nền kinh tế phát triển. Ở Việt Nam, hoạt động mua bán và sáp nhập hiện nay là một giải pháp hữu hiệu đã được nhiều doanh nghiệp quan tâm thực sự.

Doanh nghiệp thực hiện M&A nhằm cơ cấu lại doanh nghiệp, cơ cấu lại vốn phục vụ cho nhu cầu đầu tư phát triển ngày càng cao của doanh nghiệp, đầu tư cho chiến lược kinh doanh mới và thay đổi cấu trúc vốn từ sự phụ thuộc vốn vào các đối tác truyền thống chuyển sang hình thức mua bán vốn, mua bán lại doanh nghiệp.

BMSC sẽ có các chuyên gia tư vấn chuyên nghiệp phối hợp cùng doanh nghiệp tiến hành hoạt động trên một cách nhanh chóng và hiệu quả.

7. Tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp

Một cơ cấu tài chính hợp lý sẽ hỗ trợ doanh nghiệp tối đa trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Đối với các doanh nghiệp mới thành lập, BMSC sẽ tư vấn xây dựng cơ cấu tài chính tối ưu dựa trên các nguồn lực hiện có. Đối với các doanh nghiệp đang hoạt động, BMSC sẽ tư vấn tái cơ cấu tài chính phù hợp nhất với hoạt động của ngành. Ngoài ra BMSC cũng tư vấn doanh nghiệp trong hoạt động quản lý tài chính theo hướng an toàn và hiệu quả.

Tùy theo đặc điểm, tình hình hoạt động của doanh nghiệp, các chuyên gia tư vấn tài chính của BMSC sẽ trợ giúp doanh nghiệp cơ cấu lại tình hình tài chính và xử lý các khoản nợ

xâu nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả tài chính, qua đó tối đa hóa giá trị doanh nghiệp.

8. Tư vấn quản trị doanh nghiệp

Quản trị doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong quá trình hoạt động và phát triển của doanh nghiệp. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này, BMSC đưa ra dịch vụ tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp để doanh nghiệp lựa chọn được các cách tiếp cận tái cấu trúc doanh nghiệp phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh và hỗ trợ hiệu quả chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty. Xây dựng các quy định, quy chế phù hợp với luật hiện hành. Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc công bố thông tin đại chúng theo quy định.

9. Hỗ trợ doanh nghiệp

Thực tế hiện nay cho thấy không ít doanh nghiệp gặp những trở ngại, khó khăn nhất định khi tiến hành các thủ tục cần thiết để đăng ký đại chúng và thực hiện các nghĩa vụ của công ty đại chúng. Để hỗ trợ doanh nghiệp trong việc giải quyết các vướng mắc trên, BMSC đã xây dựng một quy trình đăng ký công ty đại chúng cho các doanh nghiệp, trong đó các bước thực hiện đã được chuẩn hóa theo các quy định của luật chứng khoán.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm

Thị trường chứng khoán tại Việt Nam được chính thức hình thành từ năm 2000, trải qua hơn 10 năm tồn tại TTCK đã có sự phát triển thăng trầm, đầy biến động theo quy luật tất yếu của một thị trường chứng khoán mới nổi để thực hiện vai trò là kênh huy động vốn cho nền kinh tế. Giai đoạn phát triển mạnh mẽ nhất là từ cuối năm 2006 đến năm 2010 với sự bùng nổ của số lượng tài khoản của nhà đầu tư, số lượng công ty chứng khoán, số lượng công ty niêm yết, quy mô nguồn vốn tham gia thị trường. Tính đến 31/12/2010, thị trường Chứng khoán Việt Nam đã có sự góp mặt của 105 Công ty chứng khoán đang cạnh tranh khốc liệt chiếm lĩnh thị trường và thị phần các hoạt động kinh doanh chứng khoán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh là một trong số ít công ty chứng khoán được mới được thành lập kể từ năm 2008. Được thành lập và xây dựng vào đúng thời điểm nền kinh tế thế giới cũng như nền kinh tế Việt Nam bắt đầu đi vào khủng hoảng toàn cầu, HĐQT Công ty BMSC đã xác định rõ hai nhiệm vụ trọng tâm là quyết tâm xây dựng một định chế tài chính bài bản chuyên nghiệp và nỗ lực vượt qua mọi khó khăn tác động từ môi trường bên ngoài Công ty, để duy trì một nền tảng tài chính vững chắc cho BMSC trong

giai đoạn đầu.

Cụ thể, năm 2010 HĐQT BMSC đã định hướng Ban Điều hành triển khai một số nội dung như:

- Kiện toàn bộ máy điều hành.
- Chuyển trụ sở chính từ Hà Nội vào Tp.Hồ Chí Minh.
- Chuyển chi nhánh từ Tp.HCM ra Hà Nội.
- Thay đổi phần mềm giao dịch chứng khoán
- Đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ đảm bảo làm việc nghiêm túc; thường xuyên đánh giá theo kết quả và hiệu quả công việc;
- Xây dựng kế hoạch kinh doanh và quy trình nghiệp vụ và bài bản, đầy đủ, đúng quy định.
- Xây dựng chính sách tài chính hỗ trợ nhà đầu tư đảm bảo đúng quy định của pháp luật và gia tăng tính cạnh tranh trên thị trường.

Đến thời điểm hiện nay, hoạt động Tư vấn doanh nghiệp và Bảo lãnh phát hành đang là thế mạnh của Công ty. Tất cả các doanh nghiệp, tổ chức phát hành chứng khoán được Công ty tư vấn đều ghi nhận tính chuyên nghiệp của BMSC trong hoạt động tư vấn.

Đối với hoạt động Môi giới chứng khoán, Công ty mới chỉ chiếm thị phần nhỏ so với tổng giá trị giao dịch môi giới của toàn thị trường. Đây là kết quả mà cán bộ, nhân viên Công ty cần phải cố gắng khắc phục và vươn lên khẳng định thương hiệu của BMSC trong hoạt động Môi giới.

Hoạt động đầu tư của Công ty vẫn tập trung chủ yếu vào việc đầu tư chứng khoán dài hạn (trái phiếu) và đầu tư ngắn hạn vào những danh mục đảm bảo tính ổn định, chắc chắn và bảo toàn vốn. Việc đầu tư tự doanh cổ phiếu có tính rủi ro lớn, trong khi Công ty đang xây dựng đội ngũ cán bộ đầu tư dày dặn kinh nghiệm nên chưa tập trung mạnh vào mảng tự doanh.

BMSC đã vượt qua những tháng năm đầu tiên của một Công ty chứng khoán mới thành lập, mặc dù những kết quả ban đầu còn dừng lại ở mức khiêm tốn, nhưng là nền tảng rất quan trọng để BMSC phát triển ở giai đoạn thứ hai, giai đoạn “cắt cánh” của chu kỳ phát triển một doanh nghiệp.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	01		40.891.116.681	42.182.176.439
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		2.102.406.457	2.403.368.626
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		21.108.568.132	11.457.693.020
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		80.528.610	1.442.300.000
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		512.272.727	390.909.089
Doanh thu khác	01.9		17.087.340.755	26.487.905.704
2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01)	10		40.891.116.681	42.182.176.439
3. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	15	4.910.514.125	5.709.063.961
4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		35.980.602.556	36.473.112.478
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	16	13.523.701.956	13.178.063.767
6. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		22.456.900.600	23.295.048.711
7. Thu nhập khác	31		373.651.469	1.850.000
8. Chi phí khác	32		-	2.742.779
9. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		373.651.469	(892.779)
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		22.830.552.069	23.294.155.932
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	17	5.698.588.268	4.074.342.288
12. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60=50-51)	60		17.131.963.801	19.219.813.644
13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	18	571	641

7

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm

- Thay đổi nhân sự trong Hội đồng quản trị và Ban điều hành: cụ thể như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thế Năng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Phú Thủy	Ủy viên
Ông Nguyễn Quốc Huy	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 29 tháng 07 năm 2010)
Ông Lê Trọng Năm	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 29 tháng 07 năm 2010)
Bà Trương Thị Đàm	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 29 tháng 07 năm 2010)
Lê Thanh Trí	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 29 tháng 07 năm 2010)
Đình Hoàng Hà	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 29 tháng 07 năm 2010)

Ban Giám đốc

Ông Lê Thanh Trí	Quyền Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 06 năm 2010)
Ông Lê Trọng Năm	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 05 năm 2010)
Ông Vũ Quang Vịnh	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 16 tháng 03 năm 2010)
Ông Nguyễn Hoài Sơn	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 23 tháng 03 năm 2010)
Bà Lê Minh Nga	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 9 tháng 07 năm 2010)

- Chuyển Hội sở chính tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh

- Chuyên chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh ra Hà Nội
- Thay đổi người đại diện theo pháp luật:
Người đại diện theo pháp luật cũ: Ông Lê Trọng Năm – Giám đốc Công ty
Người đại diện theo pháp luật mới: Ông Nguyễn Thế Năng – Chủ tịch HĐQT
- Thay đổi phần mềm giao dịch chứng khoán
- Tập trung cải tiến chất lượng dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Xây dựng và hoàn thiện quy trình của các bộ phận nghiệp vụ giúp các bộ phận hoạt động hiệu quả hơn
- Nâng cấp cơ sở hạ tầng giao dịch cho khách hàng.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

4.1 Kế hoạch niêm yết

Hội đồng quản trị sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh. Việc niêm yết sẽ đem lại thanh khoản giao dịch cho các cổ đông, thu hút đầu tư và tăng thương hiệu, hình ảnh cho công ty. Việc niêm yết và duy trì niêm yết đồng thời là động lực giúp nâng cao tiêu chuẩn trong hoạt động kinh doanh, quản trị và kiểm soát của Công ty.

4.2 Kế hoạch phát triển kinh doanh

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán tăng 30% trong năm 2010. Thị phần giao dịch công ty tiếp tục giữ vững và lọt vào top 30 các Công ty chứng khoán hoạt động hiệu quả nhất.

III. Báo cáo của Ban giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kỳ báo cáo
1	Cơ cấu tài sản		
	-Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	52,52
	-Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		47,48

2	Cơ cấu nguồn vốn		
	-Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	2,98
	-Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		97,02
3	Khả năng thanh toán		
	-Khả năng thanh toán nhanh	Lần	16,4
	-Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	14,35
4	Tỷ suất lợi nhuận		
	-Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	5,14
	-Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	41,89
	-Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	5,29
	- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn đầu tư của chủ sở hữu	%	5,71

- Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Số liệu ngày 31/12/2010	Yêu cầu theo qui định
1	Vốn khả dụng/ Nợ điều chỉnh	7.836%	6%
2	Giá trị tài sản cố định/ Vốn điều lệ	1,714%	<50%
3	Tổng nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,029 lần	<6 lần
4	Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn	16,4 lần	>1 lần

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010: 10.792,2 đồng/1 cổ phần (Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2010)

Chỉ tiêu	Số liệu 31/12/2010	Số liệu 01/01/2010
Mục I - Tổng cộng tài sản (A+B)	333,415,663,831	350,697,592,299
A. Tài sản ngắn hạn	158,301,226,784	153,549,387,721
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	138,499,388,656	128,442,821,067
II. Các khoản đầu tài chính ngắn hạn	386,895,300	10,418,600,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	19,285,615,161	14,517,264,256
IV. Hàng tồn kho	0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	129,327,667	170,702,398
B. Tài sản dài hạn	175,114,437,047	197,148,204,578

I. Các khoản phải thu dài hạn	0	0
II. Tài sản cố định	5,142,032,698	5,294,373,854
III. Bất động sản đầu tư	0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	169,247,600,000	190,211,956,283
V. Tài sản dài hạn khác	724,804,349	1,641,874,441
Mục II - Tổng cộng nguồn vốn (C+D)	333,415,663,831	350,697,592,299
C. Nợ phải trả	9,649,827,611	28,462,862,182
I. Nợ ngắn hạn	9,607,906,587	28,420,941,158
II. Nợ dài hạn	41,921,024	41,921,024
D. Vốn chủ sở hữu	323,765,836,220	322,234,730,117
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300,000,000,000	300,000,000,000
2. Quỹ đầu tư phát triển	936,104,185	936,104,185
3. Quỹ dự phòng tài chính	1,932,706,160	936,104,185
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1,410,581,432	42,400,000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19,486,444,443	20,320,121,747

- Những thay đổi về vốn cổ đông, vốn góp

*Tổng số cổ phiếu theo từng loại

+ Cổ phiếu thường : 30.000.000 CP (mệnh giá 10.000 đ/ CP)

+ Cổ phiếu ưu đãi : không có.

• Tình hình góp vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2010 như sau:

Cổ đông	Tỷ lệ	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)
Tổ chức nắm giữ	75%	22.524.800	225.248.000.000
Thẻ nhân nắm giữ	25%	7.475.200	74.752.000.000
Cộng	100%	30.000.000	300.000.000.000

*Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại :

+ Trái phiếu có thể chuyển đổi : không có.

+ Trái phiếu không thể chuyển đổi : không có.

*Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại :

+ Cổ phiếu thường : 30.000.000 CP (mệnh giá 10.000 đ/CP)

+ Cổ phiếu ưu đãi : không có.

*Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại : không có

*Cổ tức/lợi nhuận chia cho các cổ đông :

Đến thời điểm 31/12/2010, Công ty chưa hiện chia cổ tức năm 2010. Dự kiến cổ tức năm 2010 chi trả 5%.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2010	Thực hiện năm 2010	%TH so với KH
1	Doanh thu	67,550,000,000	40,891,116,681	61
	- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	18,400,000,000	2,102,406,457	11
	- Doanh thu hoạt động đầu t chứng khoán, góp vốn	34,000,000,000	21,108,568,132	62
	- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	2,000,000,000	80,528,610	4
	- Doanh thu hoạt động tư vấn	6,050,000,000	512,272,727	8
	- Doanh thu khác	7,100,000,000	17,087,340,755	241
	<i>Trong đó: Doanh thu tiền gửi</i>	<i>7,000,000,000</i>	<i>15,726,829,311</i>	<i>225</i>
2	Chi phí hoạt động kinh doanh	30,307,246,400	18,434,216,081	61
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (3=1-2)	37,242,753,600	22,456,900,600	60
4	Lợi nhuận khác	0	373,651,469	
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (5=3+4)	37,242,753,600	22,830,552,069	61
6	Chi phí thuế TNDN hiện hành	9,310,688,400	5,698,588,268	61
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN (7=5-6)	27,932,065,200	17,131,963,801	61

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

- Chất lượng ngày càng được nâng cấp, tạo sự tin tưởng của khách hàng.
- Lượng khách hàng mở tài khoản mới và giá trị giao dịch ngày càng tăng.
- Quy trình nghiệp vụ được cải tiến và hoàn thiện hơn, giúp chất lượng dịch vụ ngày cao và kiểm soát được rủi ro.
- Cơ sở hạ tầng được mở rộng, phân mền dịch vụ tân tiến.
- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp hướng về khách hàng, đoàn kết và thực hiện nghiêm túc các quy định ngành.

IV. Báo cáo tài chính như sau:

- Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2009 như sau:



TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100		158.301.226.784	153.549.387.721
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	138.499.388.656	128.442.821.067
1. Tiền	111		9.499.388.656	21.442.821.067
2. Các khoản tương đương tiền	112		129.000.000.000	107.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	386.895.300	10.418.600.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		497.685.780	10.480.100.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(110.790.480)	(61.500.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.285.615.161	14.517.264.256
1. Phải thu của khách hàng	131		10.000.000	10.000.000
2. Ứng trước cho người bán	132		108.000.000	122.326.505
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		1.918.564.497	24.937.000
4. Các khoản phải thu khác	138	7	17.249.050.664	14.360.000.751
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		129.327.667	170.702.398
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		61.527.667	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		67.800.000	170.702.398
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		175.114.437.047	197.148.204.578
I. Tài sản cố định	220		5.142.032.698	5.294.373.854
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	3.079.537.569	4.610.391.505
- Nguyên giá	222		7.606.410.509	6.971.320.670
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.526.872.940)	(2.360.929.165)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	863.245.129	683.982.349
- Nguyên giá	228		1.693.731.205	1.071.100.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(830.486.076)	(387.117.651)
3. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230		1.199.250.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		169.247.600.000	190.211.956.283
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253	10	169.247.600.000	175.211.956.283
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		169.247.600.000	175.211.956.283
2. Đầu tư dài hạn khác	258		-	15.000.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		724.804.349	1.641.874.441
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		150.255.731	1.030.077.502
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		256.696.618	123.849.003
3. Tài sản dài hạn khác	268		317.852.000	487.947.936
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		333.415.663.831	350.697.592.299



NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		9.649.827.611	28.462.862.182
I. Nợ ngắn hạn	310		9.607.906.587	28.420.941.158
1. Phải trả người bán	312		336.357.869	692.663.922
2. Người mua trả tiền trước	313		50.000.000	190.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	1.663.656.372	3.273.640.126
4. Phải trả người lao động	315		434.453.600	1.386.611.117
5. Chi phí phải trả	316		4.416.450	-
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	12	4.807.808.386	15.309.334.411
7. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		27.450.900	4.621.810
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		908.705.871	653.868.565
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	13	1.375.057.139	6.910.201.207
II. Nợ dài hạn	330		41.921.024	41.921.024
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		41.921.024	41.921.024
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		323.765.836.220	322.234.730.117
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	323.765.836.220	322.234.730.117
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		936.104.185	936.104.185
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.932.706.160	936.104.185
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.410.581.432	42.400.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		19.486.444.443	20.320.121.747
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		333.415.663.831	350.697.592.299

	Mã số	Mệnh giá tại ngày	Mệnh giá tại ngày
		31/12/2010	31/12/2009
1. Chứng khoán lưu ký	006	412.361.880.000	494.132.380.000
1.1. Chứng khoán giao dịch	007	317.577.930.000	411.479.590.000
1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	75.151.500.000	75.010.000.000
1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	242.426.430.000	336.469.590.000
1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	50.291.600.000	82.652.790.000
1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	50.291.600.000	82.652.790.000
1.3. Chứng khoán chờ thanh toán	071	4.627.100.000	-
1.3.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	072	1.207.500.000	-
1.3.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073	3.419.600.000	-
1.4. Chứng khoán chờ giao dịch		39.865.250.000	-
1.4.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	840.000	-
1.4.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	39.864.410.000	-
2. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	90.620.922.000	93.000.000.000
2.1. Chứng khoán giao dịch	051	90.620.922.000	93.000.000.000
2.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	90.400.000.000	93.000.000.000
2.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	220.922.000	-

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	01		40.891.116.681	42.182.176.439
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		2.102.406.457	2.403.368.626
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		21.108.568.132	11.457.693.020
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		80.528.610	1.442.300.000
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		512.272.727	390.909.089
Doanh thu khác	01.9		17.087.340.755	26.487.905.704
2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01)	10		40.891.116.681	42.182.176.439
3. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	15	4.910.514.125	5.709.063.961
4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		35.980.602.556	36.473.112.478
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	16	13.523.701.956	13.178.063.767
6. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		22.456.900.600	23.295.048.711
7. Thu nhập khác	31		373.651.469	1.850.000
8. Chi phí khác	32		-	2.742.779
9. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		373.651.469	(892.779)
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		22.830.552.069	23.294.155.932
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	17	5.698.588.268	4.074.342.288
12. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60=50-51)	60		17.131.963.801	19.219.813.644
13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	18	571	641

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Bảo Minh (gọi tắt là Công ty)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 90/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 04 năm 2008. Giấy phép điều chỉnh số 382/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 12 năm 2010.



Cổ đông chính và công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 VND (Ba trăm tỷ đồng), tương đương 30.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty trước đây tại số 10 Phan Huy Chú, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Theo quyết định số 1136/QĐ-UBCK ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty đã chuyển trụ sở chính tới địa chỉ số 198 Phan Xích Long, phường 2, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2010 là 66 người (tại ngày 31/12/2009: 62 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 20 tháng 10 năm 2010, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 162/2010/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư số 162/2010/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điểm về phân loại và trình bày, sửa đổi mã số và cơ sở lấy dữ liệu để lập một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011. Công ty sẽ thực hiện áp dụng Thông tư này kể từ năm 2011, theo đó, báo cáo tài chính năm 2010 được lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC nêu trên.

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền, và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền ký quỹ của nhà đầu tư

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh khoản tiền của Công ty và nhà đầu tư tại tài khoản của Công ty mở ở ngân hàng chỉ định để sẵn sàng tham gia thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư ngắn hạn khác của Công ty. Đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn.

Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán niêm yết được thực hiện theo những hướng dẫn trong Thông tư số 228/2009/TT-BTC (“Thông tư 228”) ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành. Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán chưa niêm yết được thực hiện theo những hướng dẫn trong Thông tư 228 và dựa trên giá trị thị trường được công bố bởi 3 công ty chứng khoán tại ngày báo cáo.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty.

Giá gốc của các khoản đầu tư ngắn hạn xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà đơn vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2010</u>
	Số năm
Máy móc thiết bị	3
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-7

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà Công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư.

Doanh thu**I. Hoạt động môi giới chứng khoán cho người đầu tư**

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ; lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Doanh thu (Tiếp theo)

Hoạt động bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán

Doanh thu hoạt động bảo lãnh phát hành và đại lý phát hành chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hoàn thành việc thông báo kết quả phát hành chứng khoán.

Hoạt động tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

Hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi kỳ phiếu ngân hàng, lãi thu được từ việc cho vay ứng trước tiền nhận quyền bán chứng khoán của nhà đầu tư, lãi thu được từ các hợp đồng mua bán chứng khoán có kỳ hạn,... được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền mặt	97.619.783	291.698.224
Tiền gửi Ngân hàng	9.401.768.873	21.151.122.843
<i>Tiền gửi của công ty chứng khoán</i>	4.032.703.152	6.787.482.305
<i>Tiền ký quỹ của nhà đầu tư</i>	5.369.065.721	14.363.640.538
Các khoản tương đương tiền	129.000.000.000	107.000.000.000
	138.499.388.656	128.442.821.067

Như được trình bày tại Thuyết minh số 22, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010		31/12/2009	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Chứng khoán kinh doanh		497.685.780		480.100.000
- Chứng khoán niêm yết				
+ FPT	-	-	5.000	435.000.000
+ TC6	1.000	45.100.000	1.000	45.100.000
+ EIB	12.000	235.000.000	-	-
+ KSH	2.000	97.600.000	-	-
+ VNE	3.000	35.700.000	-	-
+ MIH	1.000	54.600.000	-	-
+ Chứng khoán khác		29.685.780	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác		-	-	10.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)		-	-	10.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(110.790.480)	-	(61.500.000)
		386.895.300		10.418.600.000

(*) Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 1 năm tính từ thời điểm này, tại các Ngân hàng mà Công ty có giao dịch trong năm. Như được trình bày tại Thuyết minh số 22, khoản mục tiền gửi có kỳ hạn trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	1.046.104.166	1.422.729.567
Phải thu về lãi trái phiếu đầu tư	10.144.795.952	6.003.631.917
Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán của nhà đầu tư	435.059.116	2.630.400.000
Phải thu cầm cố chứng khoán của nhà đầu tư	-	3.753.200.000
Phải thu Hợp đồng Hợp tác Đầu tư Chứng khoán Niêm yết (i)	5.616.099.600	-
Các khoản phải thu khác	6.991.830	550.039.267
	17.249.050.664	14.360.000.751

(i) Phải thu Hợp đồng Hợp tác Đầu tư Chứng khoán Niêm yết là số tiền Công ty bỏ ra cùng các nhà đầu tư để mua cổ phiếu niêm yết. Công ty hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro từ Hợp đồng Hợp tác Đầu tư Chứng khoán Niêm yết này.

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2010	910.224.562	566.475.906	5.494.620.202	6.971.320.670
Tăng trong năm	38.720.000	-	596.369.839	635.089.839
Tại ngày 31/12/2010	948.944.562	566.475.906	6.090.990.041	7.606.410.509
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2010	337.857.051	83.735.030	1.939.337.084	2.360.929.165
Khấu hao trong năm	220.055.530	94.412.651	1.851.475.594	2.165.943.775
Tại ngày 31/12/2010	557.912.581	178.147.681	3.790.812.678	4.526.872.940
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2009	572.367.511	482.740.876	3.555.283.118	4.610.391.505
Tại ngày 31/12/2010	391.031.981	388.328.225	2.300.177.363	3.079.537.569

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2010	1.071.100.000
Tăng trong năm	622.631.205
Tại ngày 31/12/2010	1.693.731.205
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2010	387.117.651
Khấu hao trong năm	443.368.425
Tại ngày 31/12/2010	830.486.076
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2009	683.982.349
Tại ngày 31/12/2010	863.245.129

10. ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN DÀI HẠN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Đầu tư chứng khoán dài hạn	169.247.600.000	175.211.956.283
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	169.247.600.000	175.211.956.283
Đầu tư dài hạn khác	-	15.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	15.000.000.000
	169.247.600.000	190.211.956.283

10. ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN DÀI HẠN (Tiếp theo)

	31/12/2010		31/12/2009	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
<i>- Chi tiết chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>				
- Trái phiếu Ngân hàng Phát triển Việt Nam	250.000	28.897.600.000	250.000	30.196.800.000
- Trái phiếu Tập đoàn Điện lực Việt Nam	499.500	49.950.000.000	499.500	49.416.985.603
- Trái phiếu EVNBOND (Tập đoàn Điện lực Việt Nam)	80	80.000.000.000	80	82.550.650.680
- Trái phiếu chuyển đổi của Công ty Cổ phần Xây dựng và Cơ điện Việt Nam	24.000	2.400.000.000	24.000	3.027.120.000
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Dầu khí Anpha	80.000	8.000.000.000	100.000	10.020.400.000
		169.247.600.000		175.211.956.283

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	18.739.557	14.784.868
Thuế thu nhập cá nhân	154.463.747	70.518.050
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.464.254.028	3.188.337.208
Thuế khác	26.199.040	-
	1.663.656.372	3.273.640.126

12. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Phải trả Sở/Trung tâm Giao dịch chứng khoán	26.759.194	29.312.595
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam	12.080.304	4.323.135
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	4.768.968.888	15.275.698.681
	4.807.808.386	15.309.334.411



13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	167.621.855	109.907.006
Bảo hiểm xã hội	-	11.706.870
Bảo hiểm y tế	-	1.973.345
Bảo hiểm thất nghiệp	-	2.515.618
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.207.435.284	6.784.098.368
Trong đó:		
Phải trả ngân hàng khoản ứng trước tiền bán chứng khoán của nhà đầu tư	-	2.637.400.000
Phải trả hộ nhà đầu tư cho ngân hàng khoản tiền vay	-	3.553.200.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.207.435.284	593.498.368
- Phải trả cổ tức cho cổ đông của Công ty	467.900.000	-
- Phải trả hộ cổ tức cho Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	714.286.930	563.493.920
- Phải trả khác	25.248.354	30.004.448
	1.375.057.139	6.910.201.207

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Vốn chủ sở hữu				
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300.000.000.000	-	-	300.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	936.104.185	-	-	936.104.185
Quỹ dự phòng tài chính	936.104.185	996.601.975	-	1.932.706.160
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	42.400.000	1.415.381.432	47.200.000	1.410.581.432
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20.320.121.747	17.131.963.801	17.965.641.105	19.486.444.443
	322.234.730.117	19.543.947.208	18.012.841.105	323.765.836.220

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu giảm chủ yếu do sử dụng quỹ để thưởng cho khách hàng.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm trong năm chủ yếu do thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 19 tháng 4 năm 2010 về phân phối lợi nhuận năm 2009 và tạm trích các quỹ của Công ty. Quyết định cuối cùng về phân phối lợi nhuận năm 2010 sẽ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông sắp tới.

Tình hình góp vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2010 như sau:

	Theo Giấy phép thành lập và hoạt động		Vốn điều lệ đã góp	
	VND	%	VND	%
Cổ đông				
Vốn góp của pháp nhân	225.248.000.000	75	225.248.000.000	75
Vốn góp của cá nhân	74.752.000.000	25	74.752.000.000	25
	300.000.000.000	100	300.000.000.000	100

15. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	2010	2009
	VND	VND
Chi phí môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư	406.204.521	396.729.136
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.303.342.000	1.394.565.844
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	130.708.804	24.451.194
Chi phí dự phòng	49.290.480	17.400.000
Chi phí khác	151.250.000	968.670.044
Chi phí trực tiếp chung	2.869.718.320	2.907.247.743
- Chi phí nhân viên	1.460.101.933	2.120.476.345
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	556.869.409	114.014.964
- Chi phí khác	852.746.978	672.756.434
	4.910.514.125	5.709.063.961

16. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2010	2009
	VND	VND
Chi phí nhân viên	4.982.030.833	3.959.272.766
Chi phí vật liệu	335.094.766	748.813.805
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.029.077.638	2.406.957.192
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	17.005.562
Chi phí dự phòng	-	225.145.080
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.054.606.756	4.734.902.465
Chi phí khác	1.118.891.963	1.085.966.897
	13.523.701.956	13.178.063.767

17. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2010	2009
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	22.830.552.069	23.294.155.932
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ:	36.199.000	12.200.000
Thu nhập từ cổ tức nhận được	36.199.000	12.200.000
Thu nhập chịu thuế	22.794.353.069	23.281.955.932
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.698.588.268	5.820.488.983
Giảm thuế theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC	-	1.746.146.695
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.698.588.268	4.074.342.288

**18. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	2010	2009
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.131.963.801	19.219.813.644
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	571	641

19. BÁO CÁO VỀ GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG CHỨNG KHOÁN GIAO DỊCH TRONG NĂM

CHỈ TIÊU	2010		2009	
	Khối lượng giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)	Khối lượng giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
1. Chứng khoán tự doanh				
Cổ phiếu	264.560	5.747.835.000	82.240	4.434.970.000
Trái phiếu	-	-	1.249.500	135.655.709.500
2. Chứng khoán của nhà đầu tư				
Cổ phiếu	38.744.440	1.071.975.225.000	33.992.510	1.280.320.069.000
Trái phiếu	1.500.000	142.295.700.000	500.000	47.190.000.000
	40.509.000	1.220.018.760.000	35.824.250	1.467.600.748.500

20. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2010	2009
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	3.203.783.971	3.691.563.748

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	1.171.536.000	3.203.783.971
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.432.144.013	3.603.680.013

Cam kết thuê hoạt động là 2 hợp đồng thuê văn phòng của Công ty, cụ thể như sau:

- Hợp đồng thuê nhà ngày 17 tháng 9 năm 2010 ký với Ông Phạm Thế Dũng để thực hiện thuê nhà tại địa chỉ 198 đường Phan Xích Long, phường 2, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh với diện tích 356,1 m². Giá thuê trong 3 năm đầu là 70.128.000 VND/tháng (chưa bao gồm Thuế Giá trị gia tăng), giá thuê năm thứ 4 là 80.647.200 VND/tháng (chưa bao gồm Thuế Giá trị gia tăng). Thời gian thuê từ ngày 9 tháng 10 năm 2010 đến ngày 9 tháng 10 năm 2014 (4 năm);
- Hợp đồng thuê nhà 01/BM-BĐT/09 ngày 12 tháng 01 năm 2010 ký với Công ty Bảo Minh Thăng Long. Theo phụ lục tháng 11/2010, giá thuê 27.500.000 VND/tháng (chưa bao gồm Thuế Giá trị gia tăng), diện tích thuê là 330m² tại địa chỉ số 10 Phan Huy Chú, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2010	2009
	VND	VND
Cổ tức đã trả cho Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	10.478.900.000	10.466.400.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh nhờ trả cổ tức	757.705.100	1.523.692.450
Cổ tức đã trả hộ Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	606.912.090	960.198.530
Chi phí thuê văn phòng của Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	1.068.833.334	1.650.000.000

Thu nhập của Ban Giám đốc

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:	2010	2009
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	923.753.696	496.384.270

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2010:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Chi phí thành lập công ty phải thu từ Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	-	120.039.267
Các khoản phải trả		
Cổ tức phải trả hộ Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	714.286.930	563.493.920

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác.

Một số chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009 đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể:

Chỉ tiêu	Mã số	Số trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009 trước khi phân loại lại	Số trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009 sau khi phân loại lại
		VND	VND
Các khoản tương đương tiền	112	-	107.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121	117.480.100.000	10.480.100.000
Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	696.268.565	653.868.565
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	42.400.000

22. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Một số chỉ tiêu trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể:

Chỉ tiêu	Mã số	Số trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2009 trước khi phân loại lại	Số trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2009 sau khi phân loại lại
		VND	VND
Lỗ/(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	31.240.242.266	(37.902.340.117)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	57.267.720.879	(11.874.861.504)
(Tăng) các khoản phải thu	09	(12.702.616.165)	(10.915.742.702)
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	22.357.573.349	22.160.648.679
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	59.416.638
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(36.524.907.993)	(695.762.949)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	26.281.657.784	(5.382.414.124)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(3.836.845.629)	(3.005.223.962)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(617.020.387.378)	(513.367.632.378)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	621.308.431.095	624.277.676.095
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.837.476.440	36.047.926.681
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5.288.674.528	143.952.746.436
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	16.577.832.312	123.577.832.312
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	21.442.821.067	128.442.821.067

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

- Ý kiến kiểm toán độc lập:

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 19. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Báo cáo tài chính năm 2009 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, trong đó đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2. Kiểm toán nội bộ

Ý kiến kiểm toán nội bộ

Về mặt kế toán: BMSC tuân thủ các quy định về nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán, thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật. BMSC đã thực hiện phù hợp với Luật kế toán số 03/2003/QHqq 17/06/2003 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, phù hợp với quyết định số 15/2006/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20/03/2006 về chế độ kế toán và thông tư 95/TT-BTC của Bộ tài chính ban

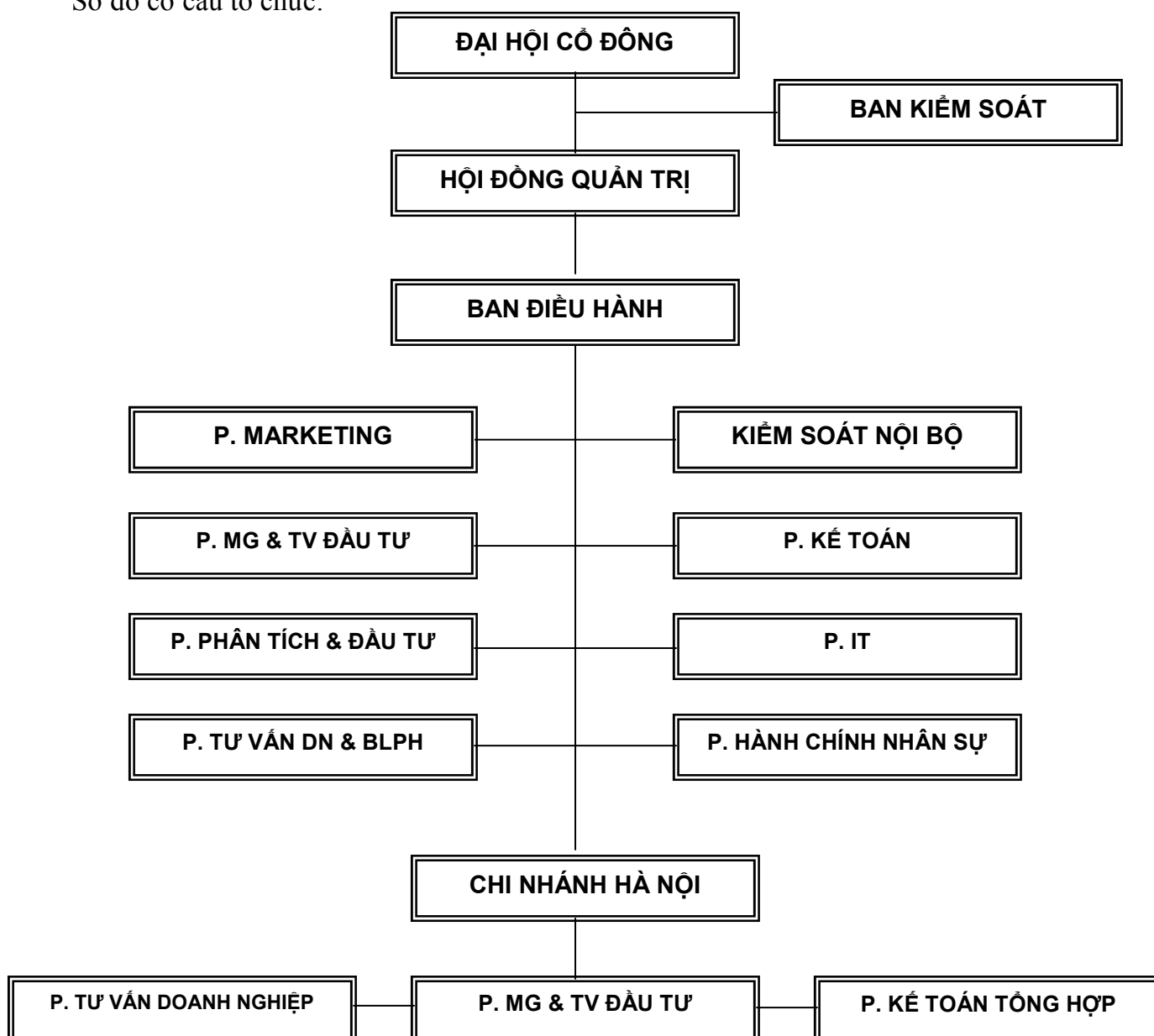
hành ngày 24/10/2008 về việc hướng dẫn chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán có hiệu lực thi hành ngày 26/11/2008 và các văn bản liên quan khác.

VI. Các công ty có liên quan

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty: Không có
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ: Không có
- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: Không có

VII. Tổ chức và nhân sự

Sơ đồ cơ cấu tổ chức:



- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong ban điều hành:

ST T	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Chức vụ	Trình độ học vấn	Kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và chứng khoán
1.	Lê Thanh Trí	Nam	29/8/1977	Quyền Giám đốc	Cao học	- Từ 6/2006 – 6/2007: Phó phòng Đầu tư, Công ty chứng khoán Hồ Chí Minh - Từ 6/2007 – 12/2008: Giám đốc đầu tư, Công ty chứng khoán Gia Quyền - Từ 12/2008 – 6/2010: Phó Giám đốc đầu tư, Tổng Công ty CP Bảo Minh - Từ 7/2010 – nay: Quyền Giám đốc, Công ty chứng khoán Bảo Minh
2.	Lê Minh Nga	Nữ	18/3/1969	Phó Giám đốc	Đại học	- Từ 10/1991 – 10/1994: Kế toán viên, Công ty Điện lực 2 - Từ 10/1994 – 10/1998: Chuyên viên kế toán, Công ty Điện lực 2 - Từ 10/1998 – 10/2002: Kế toán tổng hợp, Công ty Điện lực 2 - Từ 2002 – 2005: Kế toán trưởng, Công ty Tư vấn luật đầu tư VILAF Hồng Đức - Từ 2005 – 3/2006: Phụ trách VPĐD Tập đoàn Jobohan (Malaysia) - Từ 04/2006 – 12/2006: Kế toán trưởng, Công ty chứng khoán TP.HCM - Từ 12/2006 – 4/2007: Trưởng phòng đầu tư, Công ty chứng khoán TP.HCM - Từ 05/2007 – 10/2008: Giám đốc tài chính, Công ty chứng khoán Gia Quyền - Từ 01/2009 – 11/2009: Tư vấn đầu tư và tái cấu trúc tài chính, Công ty 508-Cienco 5 - Từ 12/2009 – 7/2010: Kế toán trưởng, Công ty CP Đầu tư & XD GT Hồng Lĩnh - Từ 7/2010 – nay: Phó Giám đốc, Công ty chứng khoán Bảo Minh
3	Vũ Quang Vịnh	Nam	28/5/1975	Phó Giám đốc	Thạc sỹ QTK D	- 1998-2006: Làm việc tại Tcty Bảo Việt; - 2006-2007: Làm việc tại Cty Bảo hiểm Prevoir VN; - 2008 đến nay: làm việc tại Cty chứng khoán Bảo Minh.

- Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm:

Ông Lê Thanh Trí : Quyền Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 06 năm 2010)
Ông Lê Trọng Năm : Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 05 năm 2010)

- Quyền lợi của Ban Giám đốc: Tiền lương, thưởng của Ban giám đốc và các quyền lợi khác của Ban giám đốc được chi trả dựa trên quy chế trả lương và các khoản chi khác của BMSC.

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

Số lượng cán bộ nhân viên chính thức toàn Công ty là 66 người (ký kết hợp đồng lao động và đóng BHXH)

Chính sách đối với người lao động tại Công ty được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, phúc lợi và chế độ đãi ngộ tốt.

- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên/Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng:

Trong năm 2010 đã có sự thay đổi sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thế Năng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Phú Thủy	Ủy viên
Ông Nguyễn Quốc Huy	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 29 tháng 07 năm 2010)
Ông Lê Trọng Năm	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 29 tháng 07 năm 2010)
Bà Trương Thị Đàm	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 29 tháng 07 năm 2010)
Lê Thanh Trí	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 29 tháng 07 năm 2010)
Đình Hoàng Hà	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 29 tháng 07 năm 2010)

Ban Giám đốc

Ông Lê Thanh Trí	Quyền Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 06 năm 2010)
Ông Lê Trọng Năm	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 05 năm 2010)
Ông Vũ Quang Vịnh	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 16 tháng 03 năm 2010)
Ông Nguyễn Hoài Sơn	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 23 tháng 03 năm 2010)
Bà Lê Minh Nga	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 9 tháng 07 năm 2010)

VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

a. Cơ cấu của HĐQT và Ban Kiểm Soát:

* Thành viên và cơ cấu HĐQT

STT	Họ và tên	Giới tính	Chức vụ
1.	Nguyễn Thế Năng	Nam	Chủ tịch HĐQT
2.	Nguyễn Phú Thủy	Nam	Thành viên HĐQT
3.	Lê Thanh Trí	Nam	Q. Giám đốc kiêm thành viên HĐQT
4.	Trương Thị Đàm	Nữ	Thành viên HĐQT
5.	Đình Hoàng Hà	Nam	Thành viên HĐQT

* Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm Soát:

STT	Họ và tên	Giới tính	Chức vụ
1.	Lê Anh Tuấn	Nam	Trưởng Ban kiểm soát
2.	Nguyễn Minh Cường	Nam	Thành viên BKS
3.	Hồ Công Trung	Nam	Thành viên BKS

b. Hoạt động của HĐQT

Tất cả các thành viên HĐQT đều tích cực tham gia xem xét tái cấu trúc bộ máy Công ty, điều chỉnh chiến lược kinh doanh, nghiên cứu, chất vấn, góp ý, bổ sung và thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2010, dự thảo kế hoạch kinh doanh năm 2011 do Ban giám đốc đệ trình, xem xét và đánh giá việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, thực hiện chế độ công bố thông tin theo quy định.

- Hàng quý, trên cơ sở báo cáo tài chính Công ty, HĐQT và Ban kiểm soát đã kiểm tra và chỉ đạo các hoạt động kinh doanh của Công ty, đảm bảo đúng kế hoạch và đúng theo quy định của pháp luật.

c. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát tại Công ty đã theo dõi trực tiếp sát sao hoạt động Công ty thông qua các buổi làm việc trực tiếp tại Công ty và họp cùng HĐQT Công ty định kỳ hàng

quý/tháng.

- Ban kiểm soát đã theo dõi và xem xét trực tiếp mọi số liệu báo cáo của Công ty nên nắm vững tình hình và hiểu rõ các hoạt động thực tế của Công ty.

- Từ thực tế trên, Ban kiểm soát yên tâm với quản lý hiện nay tại Công ty, tuân thủ các yêu cầu pháp luật, quy trình nghiệp vụ và minh bạch.

d. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT/chủ tịch và các thành viên Ban kiểm soát năm 2010: Do Đại hội cổ đông thường niên 2011 quyết định.

e. Số lượng thành viên HĐQT, ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc đã có chứng chỉ đạo tạo về quản trị công ty: 11

f. Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT: Không có

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn trong nước

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông góp vốn trong nước:

STT	CỔ ĐÔNG	TỈ LỆ VỐN GÓP	SỐ VỐN GÓP (TỈ ĐỒNG)
01	Tổ chức	73.23%	219,690
02	Cá nhân	26.77%	80,310

- Thông tin về cổ đông lớn:

1. Tổng Công ty Bảo Hiểm Bảo Minh:

Tổng Công ty Bảo Hiểm Bảo Minh được thành lập vào ngày 28/11/1994, tiền thân là Công ty Bảo hiểm TP.HCM ngoài hoạt động chính là kinh doanh bảo hiểm, tái bảo hiểm còn đa dạng hóa các hoạt động đầu tư tài chính. Hiện nay, TCT CP Bảo Minh đang cung cấp cho thị trường hơn 100 sản phẩm thuộc các dịch vụ bảo hiểm con người, xe cơ giới, hàng hải, hàng không và tài sản kỹ thuật. Với tổng doanh thu hàng năm hơn 2.000 tỷ đồng, tổng tài sản hơn 3.200 tỷ đồng, lợi nhuận năm 2008 đạt trên 155 tỷ đồng, Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh đã trở thành thương hiệu hàng đầu của cả nước trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ. Được đánh giá là một trong những công ty bảo hiểm hàng đầu của Việt Nam, TCT CP

Bảo Minh đã đóng góp phần quan trọng vào 50 năm lịch sử phát triển bảo hiểm Việt Nam. Hệ thống cung cấp dịch vụ của Bảo Minh đã trải rộng khắp toàn quốc với hơn 4.000 đại lý.

Là cổ đông sáng lập đồng thời là cổ đông có vốn góp chiếm gần 70% vốn của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh. Tổng công ty Bảo Hiểm Bảo Minh đã và đang định hướng những bước đi vững chắc cho Công ty Chứng khoán Bảo Minh hội nhập thị trường tài chính Việt nam đầy sôi động.

Địa chỉ liên hệ: Tổng Công ty Bảo Hiểm Bảo Minh

Số 26 Tôn Thất Đạm, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM

Điện thoại: (+84.8) 3829 4180

Fax: (+84.8) 3829 4185

E-mail: baominh@baominh.com.vn

Website: <http://www.baominh.com.vn>

2. Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á

Được thành lập từ năm 1994, SeABank là một trong những ngân hàng TMCP ra đời sớm nhất và hiện tại nằm trong Top 10 ngân hàng TMCP lớn nhất Việt Nam. Hiện tại SeABank có vốn điều lệ 5.068 tỷ đồng, là một trong 07 ngân hàng TMCP có vốn điều lệ lớn nhất Việt Nam, trong đó đối tác chiến lược nước ngoài Societe Generale sở hữu 20% cổ phần.

Năm 2010 SeABank cũng đã hoàn thành việc chuyển đổi mô hình tổ chức tại tất cả các điểm giao dịch trên toàn quốc theo mô hình ngân hàng bán lẻ đạt tiêu chuẩn quốc tế từ hệ thống nội – ngoại thất, đội ngũ nhân sự, quy trình tác nghiệp... Ngoài ra, SeABank cũng không ngừng đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ bán lẻ nhằm đáp ứng tốt nhất mọi nhu cầu của khách hàng cá nhân và doanh nghiệp vừa & nhỏ.

Với những thành tích hoạt động trong năm vừa qua, SeABank đã được trao tặng nhiều danh hiệu cao quý, trong đó có Bằng khen của Thủ tướng chính phủ, Giải thưởng doanh nghiệp ASEAN – ABA 2010, Top 300/500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, Top 85/500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam, Top 44/1000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập lớn nhất Việt Nam...



Địa chỉ liên hệ: Ngân hàng thương mại Cổ phần Đông Nam Á
25 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Điện thoại: (+84.8) 3944 8688
Fax: (+84.8) 3944 8689
E-mail: Seabank@seabank.com.vn
Website: <http://www.seabank.com.vn>

2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài: Không có

Tp. HCM, ngày 28/03/2011

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGUYỄN THẾ NĂNG